

Bản án số: **158/2018/HS-PT**

Ngày: 24 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Ông **Phạm Việt Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 144/2018/TLPT-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo **Lê Cao S** và **Trần Hữu Nh** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 17/1/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

Lê Cao S (Tên gọi khác: S Muồi), sinh ngày 05/11/1983 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn ND, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Cao Tr, sinh năm 1960 và bà Mạc Thị G, sinh 1960; có vợ là bà Trần Thị H, sinh năm 1984; có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền sự: Không;

Tiền án:

Ngày 02/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 24/01/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Bị cáo kháng cáo:

Trần Hữu Nh, sinh ngày 20/8/1996 tại huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn LB, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đ, sinh năm 1970 và bà Lê Thị S1, sinh 1969; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giam từ ngày 16/01/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Cao S theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Bùi Bá D**, Luật sư - Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: 43 đường N, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Hữu Nh theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà **Lưu Thị L**, Luật sư Văn phòng luật sư L, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: 219 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Đ** và bà **Lê Thị S1**. Trú tại: Thôn LB, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; ông Đ có mặt, bà S1 vắng mặt.

2. Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn ND, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 bị cáo và 18 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 16 giờ ngày 16 tháng 01 năm 2017, tại nhà của Trần Hữu Nh thuộc thôn LB, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, Công an huyện N, Ban phòng chống ma túy Cảnh sát biển Vùng 2, Công an xã T lập biên bản bắt quả tang Trần Hữu Nh (*sinh ngày 20/8/1996, trú tại LB, Xã T, Huyện N, Quảng Nam*) bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Anh H1 (*sinh ngày 07/5/1990; trú thôn Phú Quý I, xã TM, huyện N*). Tạm giữ của Nguyễn Anh H1 01 gói ni long bên trong có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng (niêm phong đánh kí hiệu 01M); 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen. Tạm giữ của Trần Hữu Nh 7.600.000 đồng; 01 điện

thoại di động hiệu Iphone 6 màu đen bạc; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen. Nguyễn Anh H1 khai mua gói ma túy đá của Nh với số tiền 300.000 đồng; Trần Hữu Nh khai vừa bán cho H1 01 gói ma túy đá với số tiền 300.000 đồng.

Lúc 16 giờ 50 phút ngày 16 tháng 01 năm 2017, khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Hữu Nh thuộc thôn LB, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, phát hiện và tạm giữ 01 gói ni long bên trong có 22 gói ni long nhỏ chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy đá giấu tại lỗ tường gạch (niêm phong đánh kí hiệu 02); 01 gói ni long bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy đá (niêm phong đánh kí hiệu 01), 24 bao ni long nhỏ, 01 ống hút nhựa được chôn giấu tại khu đất trống trong vườn của Nh; 01 nỏ thủy tinh để trên mặt bàn phòng khách.

Lúc 10 giờ 30 phút ngày 02/7/2017, tại nhà của Lê Cao S (*sinh ngày 05/11/1983*) thuộc thôn ND, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam thực hiện Lệnh bắt, khám xét nơi ở đã phát hiện và tạm giữ tại phòng bếp 01 cân điện tử màu đen; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, tại phòng ngủ tạm giữ 02 nỏ thủy tinh; 16.000.000 đồng, tạm giữ tại phòng ngủ của vợ Lê Cao S là Trần Thị H 01 điện thoại hiệu Iphone 6 màu đồng bên trong có gắn sim số 09056995XX. Tạm giữ trong người Lê Cao S 01 điện thoại di động Nokia màu đen có gắn thẻ sim số 09352326XX; 01 chứng minh nhân dân. Tạm giữ tại nhà Lê Cao S 01 xe ô tô màu trắng có biển số 92A-080.XX, 01 giấy đăng ký ô tô cùng biển số do Trần Thị H đứng tên chủ sở hữu; 01 xe mô tô hiệu HONDA SH màu trắng BKS 92N1-305XX và 01 giấy đăng ký mô tô cùng biển số do Trần Hữu Nh đứng tên chủ sở hữu. Lê Cao S lấy từ trong xe ô tô biển số 92A-080.XX giao nộp 01 gói ni lông chứa tinh thể màu trắng mà S khai là ma túy đá. Tạm giữ 01 xe mô tô Honda Dream màu đen có biển kiểm soát 92D1-133.XX và giấy đăng ký mô tô cùng biển số do Lê Cao S đứng tên chủ sở hữu, ngoài ra còn tạm giữ một số xe máy, khung, lóc xe máy.

Với nội dung nêu trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 17/1/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Cao S, Trần Hữu Nh phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm e khoản 3 khoản 5 Điều 194; điểm o, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009);

Xử phạt: Bị cáo Lê Cao S 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 02/7/2017.

Áp dụng: Điểm e khoản 3 khoản 5 Điều 194; điểm o, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009);

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu Nh 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 16/01/2017.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41; Điều 42 của Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô hiệu SH biển kiểm soát 92N1-305.XX (kèm theo giấy đăng ký xe).

Ngoài ra án sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo: Nguyễn Vũ B, Phạm H2, Phạm Văn Tr cùng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Hoàng Quốc V về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tuyên hình phạt bổ sung bằng tiền; xử lý vật chứng khác; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/1/2018 bị cáo Trần Hữu Nh kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25/01/2018, bị cáo Lê Cao S kháng cáo.

Ngày 29/01/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Đ và bà Lê Thị S1 kháng cáo đề nghị được nhận lại xe mô tô hiệu SH biển kiểm soát 92N1-305.97.

Tại kháng nghị số 11/QĐ-VC2 ngày 07/02/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Cao S, tịch thu một phần hai xe ô tô biển kiểm soát 92A-080.XX để sung quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Cao S và Trần Hữu Nh xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo, xét thấy việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện. Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của 02 bị cáo. Ông Trần Đ và bà Lê Thị S1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị số 11/2018/QĐ-V2 ngày 07/2/2018, đề nghị xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Cao S, tịch thu một phần hai xe ô tô biển kiểm soát 92A-080.XX để sung quỹ nhà nước; đối với kháng cáo của ông Trần Đ và bà Lê Thị S1 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi

xem xét khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Khoảng tháng 3 năm 2016, S 02 lần đến Bến xe Đà Nẵng, mỗi lần mua của 01 người hành nghề xe ôm (*không rõ lai lịch*) 05 gam ma túy đá với số tiền 4.000.000 đồng. S lấy bớt 1 gam để sử dụng, S bán 4 gam cho Phạm Ngọc Hoàng (*tên gọi khác Nhỏ Sửu; sinh ngày 08/10/1976; trú phường Vĩnh Điện, thị xã Đ*) lấy 4.000.000 đồng.

Cuối tháng 5 năm 2016, thông qua Đỗ Phú Ch (*tên gọi khác Ôt Kỳ; sinh năm 1988, trú tại Điện An, Thị xã Đ, hiện không có mặt tại địa phương*) biết một người tên là B1 (*qua xác minh xác định là Phan Văn B1; sinh năm 1976, trú số nhà 101 đường Lý Triện, tổ 108, phường An Khê, quận Thanh Khê, Đà Nẵng*) có bán ma túy. S liên lạc với Phan Văn B1 đến nhà S tại thôn ND, Đ, Thị xã Đ để mua của B1 20 gam ma túy đá với số tiền 13.000.000 đồng. S lấy 4 gam để sử dụng rồi chia số ma túy đá còn lại làm 4 gói và bán cho Phạm Ngọc Hoàng 01 gói lấy 4.000.000 đồng. Đến tháng 11 năm 2016, S gặp bạn tù là Nguyễn Vũ B (*sinh ngày 12/12/1990, trú tại LB, Xã T, Huyện N, Quảng Nam*) đi cùng Trần Hữu Nh đến nhà nghỉ H tại phường V, thị xã Đ để cùng sử dụng ma túy. Sau đó, B liên lạc với S mua 5.000.000 đồng ma túy đá thì S đồng ý và hẹn B đến quán nước ven đường Quốc lộ 1A thuộc địa phận huyện T. Tại điểm hẹn, S bán cho B, Nh 01 gói ma túy đá có trọng lượng 04 gam (*nhưng S nói là 5 gam*) với số tiền 5.000.000 đồng. Ngoài ra, trong tháng 11 và 12/2016, S còn 02 lần bán cho Nh (*có B đi cùng*), mỗi lần 01 gói ma túy có trọng lượng là 4 gam (*nhưng S nói là 5 gam*) với số tiền mỗi lần là 5.000.000 đồng tại nhà của S.

Đầu tháng 01/2017, S mua của B1 50 gam ma túy đá với số tiền là 25.000.000 đồng tại nhà S. S lấy 10 gam để sử dụng, còn lại bán cho Trần Hữu Nh (*có Trần Minh Ván đi cùng*) 40 gam (*nhưng S nói là 50 gam*) với giá tiền là 50.000.000 đồng. Nh trả cho S 16.000.000 đồng và để lại xe mô tô Honda SH, chìa khóa và giấy đăng kí xe do Nh đứng tên chủ sở hữu.

Ngày 13/01/2017, S mua của B1 100 gam ma túy đá với số tiền là 53.000.000 đồng tại nhà S. S lấy 20 gam Methamphetamine để sử dụng. Sáng ngày 14/01/2017, S dùng xe ô tô biển số 92A-043.XX vào Huyện N để bán nợ 80 gam ma túy đá (*nhưng S nói là 100 gam*) cho Nh với giá 100.000.000 đồng. Nh có trả cho S 23.000.000 đồng tiền nợ mua ma túy lần trước. Khi nghe tin Nh bị bắt, Lê Cao S không trực tiếp bán ma túy mà phân lẻ, 3 lần đưa mỗi lần 1 gói 2,5 gam ma túy đá để 01 người tên là S1 Bình bán cho người nghiện và trả cho S mỗi lần 2.000.000 đồng.

Ngày 01/7/2017, Lê Cao S tiếp tục mua của B1 10 gam ma túy đá với số tiền 7.000.000 đồng cất giấu trong xe ô tô biển số 92A-080.14 để sử dụng và bán lại kiếm lãi nhưng ngày 02/7/2017 bị bắt nên S lấy giao nộp.

Trần Văn Luận (sinh ngày 04/01/1987; trú khối phố H2, phường H, thành phố T) khai có quen biết với Lê Cao S trong thời gian chấp hành án phạt tù tại Trại giam An Điền. Ngày 27/12/2016, Luận liên lạc qua điện thoại với S và đến đoạn đường qua Trạm thu phí Đ mua của S 2.000.000 đồng ma túy đá mang về thành phố T để sử dụng và bán lại kiếm lãi nhưng đến ngày 29/12/2016 thì bị bắt quả tang, tạm giữ 1,497gam ma túy đá.

Với hành vi nêu trên các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ.

[2]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị tăng hình phạt đối với Lê Cao S.

Xét hành vi của Lê Cao S cùng đồng bọn bị Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử và kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ đúng pháp luật. Qua lời khai nhận của bị cáo Lê Cao S, và các bị cáo khác, cùng với biên bản khám xét và thu giữ vật chứng, căn cứ vào kết quả giám định. Có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Lê Cao S phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự như tòa sơ thẩm áp dụng là có căn cứ. Trong vụ án này Lê Cao S là người có vai trò chính, bị cáo nhiều lần mua bán ma túy với lượng lớn và bán cho nhiều đối tượng nghiện. Bị cáo S có một tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Như vậy bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự “tái phạm” và “phạm tội nhiều lần”. Mặc dù bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, tuy nhiên mức án 12 năm tù như án sơ thẩm xử phạt bị cáo là nhẹ và chưa tương xứng với tính chất mức độ, vai trò và hành vi phạm tội của bị cáo, chưa có tác dụng giáo dục răn đe phòng ngừa tội phạm về ma túy trong tình hình hiện nay. Do vậy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của ông Trần Đ và bà Lê Thị S1, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản khám xét và thu giữ tang vật ngày 02/7/2017 tại nhà bị cáo Lê Cao S (BL469), cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đã thu giữ tại nhà Lê Cao S 01 xe mô tô hiệu SH biển kiểm soát 92N1-305.97 mang tên Trần Hữu Nh. Quá trình điều tra và lời khai của các bị cáo đã thể hiện:

Đầu tháng 01/2017, S mua của B1 50 gam ma túy đá với số tiền là 25.000.000 đồng tại nhà S. S lấy 10 gam để sử dụng, còn lại bán cho Trần Hữu Nh (có Trần Minh Ván đi cùng) 40 gam (nhưng S nói là 50 gam) với giá tiền là

50.000.000 đồng. Nh trả cho S 16.000.000 đồng và để lại xe mô tô Honda SH, chìa khóa và giấy đăng kí xe do Nh đứng tên chủ sở hữu. Như vậy chiếc xe nêu trên bị cáo Nh đã dùng vào việc cầm cố để mua bán trái phép chất ma túy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên tịch thu là đúng pháp luật. Do vậy đơn kháng cáo của ông Trần Đ và bà Lê Thị S1 là không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về nội dung tịch thu sung quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ trị giá xe ô tô biển kiểm soát 92A-080.14 để sung quỹ nhà nước, xe do vợ bị cáo là chị Trần Thị H đứng tên chủ sở hữu.

Xét thấy: Tại biên bản khám xét ngày 02/7/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập biên bản xác định được Lê Cao S tự nguyện giao nộp 01 gói ni lông chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy, được Lê Cao S cất giấu tại hộp nhựa phía trên kính chiếu hậu của xe ô tô biển kiểm soát 92A- 080.XX mang tên Trần Thị H, và cơ quan điều tra đã lập biên bản thu giữ ô tô nêu trên. Đến ngày 30.8.2017, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chị Hà chiếc xe ô tô tạm giữ nêu trên cùng toàn bộ giấy tờ. Sau khi nhận lại xe, ngày 10 tháng 01 năm 2018 chị Hà đã bán chiếc xe này cho ông Nguyễn Hữu C, và hiện nay ông C đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy đăng ký xe mang tên mình. Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị H khai nhận không biết bị cáo S cất giấu ma túy trong xe của mình, bị cáo S khai nhận khi rửa xe mô tô cho khách hàng do sợ ướm ma túy để trong túi quần của mình nên bị cáo cất ma túy trên xe ô tô. Về nguồn gốc chiếc xe nêu trên chị Hà khai nhận là tài sản riêng của mình, do mẹ chị cho tiền mua từ năm 2015, khi bị cáo S còn đang trong thời gian thi hành bản án của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam. Xét thấy hiện nay chiếc xe nêu trên đã được cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam ra quyết định xử lý vật chứng trong giai đoạn điều tra, mặt khác chiếc xe này hiện nay đã được ông Nguyễn Hữu C là chủ sở hữu hợp pháp, chính vì vậy quyết định của bản án sơ thẩm không quyết định việc xử lý chiếc xe nêu trên, vì thế việc Tòa án cấp phúc thẩm tuyên tịch thu $\frac{1}{2}$ chiếc xe như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là không phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị đến cơ quan Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét giải quyết theo thẩm quyền đối với quyết định xử lý xe ô tô biển kiểm soát 92A- 080.14 mang tên chị Trần Thị H của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Quảng Nam.

Từ những nhận định nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2,3 Điều 342 và khoản1 Điều 348, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1.1. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Cao S và kháng cáo của bị cáo Trần Hữu Nh.

1.2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với Lê Cao S. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 17.01.2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng: Điểm e khoản 3 khoản 5 Điều 194; điểm o, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009);

Xử phạt: Bị cáo **Lê Cao S 15 (mười lăm) năm** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 02/7/2017.

1.3. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Đ và bà Lê Thị S1 đề nghị được nhận lại xe mô tô hiệu SH biển kiểm soát 92N1-305.XX.

Áp dụng Điều 41; Điều 42 của Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô hiệu SH biển kiểm soát 92N1-305.XX (kèm theo giấy đăng ký xe).

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Công an tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Xuân Thành